TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST
Ngày: 25/3/2020;
V/v:Tranh chấp hợp đồng mua bán điện;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn T1;

Bà Nguyễn Thị M ;

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Hương Q – Thư ký Toà án nhân dân huyện T;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Ông Phùng Văn C – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 95/2020/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2020; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2020; giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty Điện Lực thành phố H

Địa chỉ: Số 69, Đinh Tiên Hoàng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Điện Lực T

Địa chỉ: Khu Phố, Thị trấn L , huyện T , thành phố H ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Văn H1 – Phó giám đốc Công ty điện lực T; có mặt;

2. Bị đơn: HTXNN BPA

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt;

Địa chỉ: Xã B, huyện T, thành phố H;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu H - Nguyên chủ Chủ nhiệm HTXNN B; vắng mặt;

Nơi cư trú: Xã B, huyện T, thành phố H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày*:** Điện Lực T (nay là Công ty Điện Lực T) có ký hợp đồng mua bán điện với HTXNN B (nay là Hợp tác xã thương mại dịch vụ nông nghiệp B P A) để HTXNN B bán điện cho các hộ dân.Tháng 8/2009 thực hiện chủ trương của ngành điện chuyển đổi phương thức quản lý điện, Điện lực T tiếp nhận bàn giao lưới điện hạ áp xã B để bán điện trực tiếp đến các hộ dân. Tại thời điểm bàn giao có phát sinh 01 kỳ hóa đơn tiền điện tháng 8/2009 (từ ngày 21/7/2009 – 21/8/2009), HTXNN B còn nợ số tiền điện là 255.566.311 đồng (Hai trăm năm mươi năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm mười một đồng). Sau đó, HTXNN B thành toán trả Điện lực T lần 1 số tiền là 82.387.985 đồng, đến tháng 11/2014 HTXNN B và Công ty điện lực T thống nhất đối trừ số tiền hoàn vốn tài sản lưới điện do HTX đầu tư tổng cộng là 76.093.997 đồng. Từ tháng 4/2017 cho đến nay tổng số tiền điện HTXNN B còn nợ Công ty điện lực T số tiền là 97.084.329 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

Ngày 16/9/2016 UBND xã B có Quyết định số 192/QĐ-UBND về việc kiện toàn Hội đồng chuyển đổi HTXNN B. Ngày 14/11/2016, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện T cấp Giấy chứng nhận đăng ký HTX số 0107100037 (đăng lý lần đầu là ngày 21/12/2001; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 10/12/2016; đăng ký thay đổi lần 2 ngày 14/11/2016) HTXNN B đổi tên là HTX TM Dịch vụ nông nghiệp BP A. Theo Phòng tài chính kế hoạch huyện T cung cấp thì hiện nay HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B P A (nguyên là HTXNN B) vẫn hoạt động, chưa chấm dứt hoạt động, giải thể.

Do vậy, Công ty Điện Lực thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc HTX TM Dịch vụ nông nghiệp BPA trả số tiền còn nợ là 97.084.329 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 25/3/2020 theo mức lãi suất trung bình của ba ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng BIDV và Ngân hàng TMCP An Bình tại từng thời điểm cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2009 đến tháng 30/10/2014: 173.178.326đồng x 1887 ngày x 11,4% /365 ngày = 102.065.137 đồng.

Từ ngày 01/11/2014 đến ngày 31//2017: 103.178.326đồng x 882 ngày x 11,3%/365 ngày = 28.173.619 đồng;

Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 25/3/2020: 97.084.326đồng x 1090 ngày x 10,9%/365 ngày= 31.601.614 đồng.

Tổng số tiền lãi là 161.840.370 đồng. Tổng gốc và lãi là 258.924.699 đồng.

Về án phí: HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A pH chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đại diện bị đơn trình bày:Năm 2003, HTXNN B thực hiện chủ trương của ngành điện chuyển đổi phương thức quản lý điện có hóa đơn đến từng hộ sử dụng điện. Trong khi chuyển đổi xảy ra sự cố về việc kiểm định công tơ, nhân dân không chấp nhận nên các tổ thầu điện thời điểm đó không thu được tiền điện của các hộ nợ đọng kéo dài nhiều năm với số tiền ngành điện báo 173.178.326đồng, thời điểm hết tháng 8/2009. Tháng 4/2017 HTXNN B đã thanh toán cho Điện Lực T là 76.093.997 đồng (đối trừ vào giá trị hoàn trả lưới điện hạ áp là tài sản của HTXNN B khi bàn giao cho Công ty điện lực T quản lý). Năm 2016, HTXNN B đã giải thể thành hai HTX là HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A và HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B. HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A thừa nhận có ký các thông báo nợ của Điện lực T, tuy nhiên khi tách HTXNN B thì HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A không được bàn giao tài sản gì. Với tình hình hiện tại thì HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A không có khả năng để trả nợ. Tại hội nghị làm việc giữa Công ty điện lực T, UBND xã B và hai HTXNN thì UBND xã B chịu trách nhiệm chính về việc xác nhận nợ và số nợ còn lại là 97.084.326 đồng. Hiện nay các hộ dân còn nợ tiền điện nhưng không có khả năng thu hồi vì các chủ thầu điện có người đã chết, có người ở xa quê. Đảng ủy – UBND xã B đã đề nghị Công ty điện lực T xóa nợ cho HTXNN; vì vậy, đề nghị Tòa án làm việc trực tiếp với UBND xã B vì hiện nay HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A và các chủ thầu không đủ điều kiện để giải quyết việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Tôi giữ chức vụ Chủ nhiệm HTXNN B từ năm 2002 đến năm 2010. Khoảng năm 2003 HTXNN B thực hiện điểm quá trình bán điện trực tiếp cho người dân. Nay tôi thừa nhận HTXNN B còn nợ Công ty điện lực T và khi chuyển công tác tôi đã bàn giao khoản nợ trên cho HTX nông nghiệp B. Đề nghị Công ty Điện Lực T cung cấp đầy đủ hồ sơ, hợp đồng theo quy định của pháp luật để chứng minh số tiền điện còn nợ của HTX.

Hiện nay HTXNN B không có điều kiện để thu hồi nợ của người dân để trả cho Công ty Điện Lực T vì quá trình thực hiện việc bán điện trực tiếp người dân phát hiện đồng hồ đo điện không chính xác, chất lượng đồng hồ đo điện không đúng nên người dân không thanh toán. Đề nghị Công ty điện lực T xóa nợ cho người dân và HTXNN B.

Quan điểm của Viện kiểm sát: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A có ký hợp đồng mua bán điện với Công ty điện lực T và thừa nhận tính đến thời điểm bàn giao lưới điện cho Công ty điện lực T quản lý bán điện trực tiếp cho người dân (tháng 8/2009), thì HTX còn nợ Công ty Điện Lực T số tiền là 255.566.311 đồng. Quá trình thực hiện việc bàn giao quản lý bán điện cho các hộ dân, giữa công ty Điện Lực T và HTX đã đối trừ giá trị lưới điện hạ áp với số tiền là 76.093.997 đồng, tại biên bản làm việc ngày 21/7/2019 UBND xã B và HTX TM Dịch vụ

nông nghiệp B A, HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B xác nhận còn nợ Công ty điện Lực T số tiền là 97.084.326 đồng. Theo giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 14/11/2016 thì HTXNN B thay đổi đăng ký kinh doanh và đổi tên thành HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A theo luật HTX chứ không pH được thành lập mới. Do vậy, nay Công ty Điện Lực thành phố Hà Nội khởi kiện yêu cầu HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A trả số nợ trên và lãi chậm trả theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại là có căn cứ.

Vì lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Điện lực Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán điện, bị đơn là HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A; địa chỉ: xã B, huyện T; Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự;

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Tuy nhiên, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]*Về nội dung*: Công ty Điện Lực thành phố Hà Nội yêu cầu HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A trả số tiền 258.924.699 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); trong đó gốc là: 97.084.326 đồng và 161.840.370 đồng lãi chậm trả tính đến ngày 25/3/2020.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập.

[2.1] *Xét các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp:*

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của các bên đương sự thì HTXNN B (nay là HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A) có mua điện của Điện lực T (nay là Công ty Điện lực T) để bán cho các hộ dân trong xã B. Năm 2003, thực hiện chuyển đổi phương thức quản lý điện có hóa đơn đến từng hộ sử dụng điện, ngành điện trực tiếp bán điện cho các hộ dân, tuy nhiên đến tháng 8/2009 Điện lực T mới tiếp nhận bàn giao lưới điện hạ áp xã B để bán điện trực tiếp đến các hộ dân. Tại thời điểm bàn giao có phát sinh 01 kỳ hóa đơn tiền điện tháng 8/2009 (từ ngày 21/7/2009 – 21/8/2009), HTXNN B còn nợ số tiền điện là 255.566.311 đồng (Hai trăm năm mươi năm triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm mười một đồng), HTXNN B thanh toán trả Điện lực T lần 1 số tiền là 82.387.985 đồng, đến tháng 11/2014 HTXNN B và Công ty điện lực T thống nhất đối trừ số tiền hoàn vốn tài sản

lưới điện do HTX đầu tư số tiền là 76.093.997 đồng, tháng 3/2017 đối trừ số tiền 6.093.997 đồng. Từ tháng 4/2017 cho đến nay số tiền điện HTXNN B còn nợ Công ty điện lực T số tiền là 97.084.329 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

[2.2] Tại biên bản làm việc ngày 21/7/2019 giữa UBND xã B và HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A, HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B và Công ty điện lực T; UBND xã B và hai HTXNN xác nhận còn nợ Công ty điện T số tiền là 97.084.329 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) không xác nhận trách nhiệm trả nợ thuộc HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A hay HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn Th là người đại diện theo pháp luật của HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A cho rằng HTXNN B được tách làm hai HTX là HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A và HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B cho nên UBND xã có trách nhiệm xác nhận số nợ này. HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A hiện không có khả năng để trả nợ vì lý do khi chuyển đổi xảy ra sự cố về việc kiểm định công tơ các hộ dân không chấp nhận nên các tổ thầu điện thời điểm đó không thu được tiền điện của các hộ nợ đọng kéo dài nhiều năm và hiện nay các chủ thầu điện người thì chết, người thì sống xa quê.

[2.4] Theo giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 14/11/2016 thì HTXNN B thay đổi đăng ký kinh doanh và đổi tên thành HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A theo Nghị quyết của Đảng ủy xã B chứ không pH được thành lập mới và theo Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã số 01200700026 đăng ký lần đầu ngày 23/11/2016, thì HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B B được thành lập mới. Mặt khác, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ xã B về chỉ đạo Đại hội HTXNN chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 cũng không chỉ đạo giải quyết các khoản nợ của HTXNN B trước khi chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 và HTXNN B cũng không làm thủ tục giải thể; do vậy HTX B chỉ chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 và thay đổi tên chứ không pH là được thành lập mới nên HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A pH chịu trách nhiệm trả số nợ này.

Như vậy, Công ty Điện Lực thành phố Hà Nội khởi kiện yêu cầu HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A trả nợ số tiền 97.084.329 đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu tiền lãi chậm trả của Công ty Điện lực thành phố Hà Nội: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại thì "*Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hoặc thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*". Tại thời điểm xét xử, lãi suất trung bình của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng BIDV và Ngân hàng TMCP An Bình là 10,9%/năm. Do vậy, Công ty Điện lực thành phố Hà Nội yêu cầu HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là

11,4%/năm (thời điểm năm 2014); 11,3%/năm (thời điểm năm 2017) và 10,9%/năm (thời điểm năm 2020) là không vượt quá mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên được chấp nhận.

Số tiền lãi chậm trả cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2009 đến tháng 30/10/2014: 173.178.326đồng x 1887 ngày x 11,4% /365 ngày = 102.065.137 đồng.

Từ ngày 01/11/2014 đến ngày 31//2017: 103.178.326đồng x 882 ngày x 11,3%/365 ngày = 28.173.619 đồng;

Từ ngày 01/4/2017 đến ngày 25/3/2020: 97.084.326đồng x 1090 ngày x 10,9%/365 ngày= 31.601.614 đồng.

Tổng số tiền lãi là 161.840.370 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi đồng).

Như vậy, tổng số tiền HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A pH trả cho Công ty điện lực thành phố Hà Nội là 258.924.699 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

[3] *Về án phí:* HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A pH chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 12.946.240đồng (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Công ty Điện lực thành phố Hà Nội không pH chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4].*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ : Khoản 1Điều 30, 35, 39; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Điện Lực thành phố H đối với HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A. Buộc HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A thanh toán trả Công ty Điện Lực thành phố Hà Nội tổng số tiền là: **258.924.699** đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng); trong đó: Tiền tiền còn nợ là **97.084.329** đồng (Chín mươi bảy triệu không trăm tám mươi tư nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) và **161.840.370** đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm bốn mươi nghìn ba trăm bảy mươi đồng) tiền lãi chậm trả.

Kể từ ngày 26/3/2020 cho đến khi thi hành án xong bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: HTX TM Dịch vụ nông nghiệp B A pH chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 12.946.240đồng (Mười hai triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng).

Trả lại Công ty Điện Lực thành phố Hà Nội (Công ty Điện Lực T đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **6.400.000 đồng** (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng)*. Theo biên lai thu số AB/2014/06973 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, Thành phố Hà Nội.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS ND huyện T;
- Chi cục thi hành án DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu T